TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 118/2025/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 14 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 183/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025, về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung,* giữa:

***Nguyên đơn*:** chị **Nguyễn Thị Đ** - Sinh ngày: 13/12/1983
CCCD số: 038183002510
Địa chỉ: Thôn T, xã Y, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: anh **Chu Đình N** - Sinh ngày: 03/6/1978
CCCD số: 038078027162
Địa chỉ: Thôn T, xã Y, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của U về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Đ và Anh Chu Đình N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Đ và anh Chu Đình N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên hai đương sự đều thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Đ và anh Chu Đình N thống nhất có 02 con chung là Chu Đức L, sinh ngày 19/10/2007; Chu Thanh T, sinh ngày 15/5/2013. Ly hôn anh, chị thống nhất thỏa thuận: Cháu L đã thành niên nên để cháu tự lựa chọn; chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Anh N cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi cháu thành niên và đủ khả năng lao động.

Anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản và công nợ:* Chị Nguyễn Thị Đ và anh Chu Đình N thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* chị Nguyễn Thị Đ và anh Chu Đình N thống nhất: Chị Đào chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và nộp thay cho anh N 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền án phí chị Đ phải chịu và nộp thay cho anh N được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001429 ngày 13/10/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Thanh Hóa. Chị Đ và anh N đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Phòng THADS khu vực 9;
- UBND xã Yên Thọ;
- Lưu hồ sơ.

Lê Đình Huy